TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 12 - 12 - 2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hòa và ông Lê Xuân Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 169/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 01/12/2023, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Nơi thường trú: Thôn N, xã V, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; Tạm trú: Thôn V, khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt

+ *Bị đơn*: Anh Lê Văn V, sinh năm 1985. Nơi thường trú: Thôn N, xã V, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Văn V là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 22/11/2012. Do chị đi làm ở khu Công nghiệp Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên nên chị vẫn ở gia đình bố mẹ đẻ. Anh V sinh sống cùng gia đình anh ở huyện Phúc Thọ. Những ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ, ngày tết chị mới về gia đình anh V. Khi sinh con, chị về gia đình anh V ở, hết chế độ nghỉ thai sản chị và con lại về gia đình ông bà ngoại để thuận lợi cho việc đi lại. Khi các con đủ 18 tháng tuổi, anh V đón con về để cho cháu đi học. Lý do chị làm đơn xin ly hôn anh V là mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh V xúc phạm bố mẹ đẻ chị, có lần anh

V đã đánh chị. Chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh V, chị xin ly hôn anh V để ổn định cuộc sống cho cả hai.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Gia P, sinh ngày 10/3/2016. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh V. Ly hôn, anh V muốn nuôi cả 02 con, chị đồng ý

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bị đơn là anh Lê Văn V trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như chị T đã trình bày. Do công việc nên chị T không ở nhà anh mà chỉ ngày nghỉ lễ, ngày tết chị T mới về nhà. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là vụ vặt cuộc sống hàng ngày như chị T đi làm 02 tháng không đưa tiền để nuôi con nên anh có nói chị T mấy câu và có xúc phạm chị T. Chị T là người gây sự với anh trước nên anh đã đánh chị T. Thời gian vợ chồng sống chung cùng nhau là ít nên không có mâu thuẫn gì lớn. Anh biết mình đã sai, anh có gọi điện xin lỗi chị T nhưng chị T chặn số của anh. Do anh bận đi làm nên không có thời gian đến nhà ông bà ngoại để xin lỗi. Chị T thuê nhà trọ ở đâu, anh cũng không biết để đến gặp T. Chị T thách thức anh nên ngày 01/11/2023 anh có ký đơn "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn". Thực tế, anh vẫn yêu thương chị T nên chị T có đơn ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Gia P, sinh ngày 10/3/2016. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh, ly hôn anh nhận nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng con nuôi chung. Hiện nay, anh đang làm cáp điện cho công ty Duyên Hà. Thu nhập bình quân một tháng là 18 triệu đồng. Với mức thu nhập đó, đảm B cuộc sống của 03 bố con mà không cần chị T cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bà Lê Thị K là mẹ đẻ anh V trình bày: Năm 2012, anh V kết hôn với chị T. Sau khi kết hôn, chị T đi làm và sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ; anh V và 02 cháu ở cùng nhà với bà. Ngày nghỉ lễ, nghỉ tết chị T mới về gia đình bà. Cả hai cháu đều do bà chăm sóc, đưa đón đi học là chủ yếu. Chị T không quan tâm đến con. Chị T chỉ có trách nhiệm đẻ mà không có trách nhiệm nuôi dưỡng. Con ốm, anh V gọi về chị không về, cũng không một lời hỏi thăm. Bà ốm, anh V ốm chị cũng không về, chị T không có trách nhiệm với gia đình chồng. Bà và anh V khuyên chị T về nhà ở và xin việc cho chị nhưng chị T không đồng ý. Ngày 02/9/2022 anh V và chị T cãi nhau, anh V có đánh chị T, chị T đã bỏ đi luôn. Khoảng 03 tháng trước, chị T đã về nhà bà lấy toàn bộ đồ dùng cá nhân và giấy tờ của chị. Chị chặn số điện thoại của anh V. Cuộc sống vợ chồng anh V tồn tại như vậy, vợ chồng không ở cùng nhau nên không quan tâm, chăm sóc, động viên, hỏi han gì nhau. Bà không muốn vợ chồng chị T ly hôn vì ảnh hưởng đến tương lai của các con chung của anh chị.

* Kết quả điều tra, xác minh: Do đặc thù công việc nên chị T không chung sống cùng anh V, chỉ ngày nghỉ lễ, ngày tết chị T mới về nhà anh V. Vợ chồng không có sự gắn bó cùng nhau, chia sẻ công việc cùng nhau.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh V. Anh V xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị T được ly hôn anh Lê Văn V. Về con chung: Giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Gia P, sinh ngày 10/3/2016 cho chị Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Lê Văn V có nơi thường trú tại xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn V được xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ trình bày của các bên đương sự, cũng như kết quả điều tra, xác minh thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh V chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không đồng nhất về công việc làm ăn và sinh hoạt cuộc sống hàng ngày. Do công việc nên chị T không thường xuyên sinh sống ở nhà anh V, chỉ ngày cuối tuần, ngày nghỉ lễ, ngày Tết chị T mới về gia đình anh V. Vợ chồng không gần gũi, gắn bó, không có chia sẻ công việc cùng nhau. Tòa án đã hòa giải, chị T xác định vợ chồng

không còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau; anh V thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh có xúc phạm chị T nhưng anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì các con còn nhỏ. Anh V muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không đến gặp chị T, anh thừa nhận không biết chị T đang thuê nhà ở đâu. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ vợ chồng giữa anh V và chị T không còn gắn bó, vợ chồng có mâu thuẫn, thời gian vợ chồng chung sống với nhau ngắn nên không có sự gắn bó trong cuộc sống hôn nhân, hôn nhân còn tồn tại nhưng không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Anh V và chị T có 02 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Gia P, sinh ngày 10/3/2016. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với anh V, anh V xin nhận nuôi cả 02 con. Cháu B, cháu P đều có nguyện vọng được ở với bố. Chị T đồng ý để anh V nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn giữa các đương là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T

1.1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn V.

1.2. Về con chung: Anh V và chị T có 02 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Gia P, sinh ngày 10/3/2016.

Giao cháu Lê Gia B và cháu Lê Gia P cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

1.4. Về tài sản chung và nợ: Không có.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013032 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Hưng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND V, huyện Phúc Thọ;
(số 148-22/11/2012)
- Lưu HS, VP.